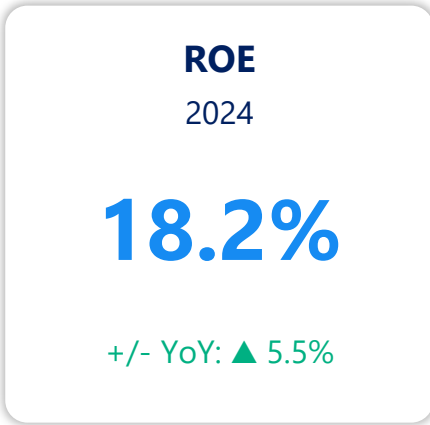
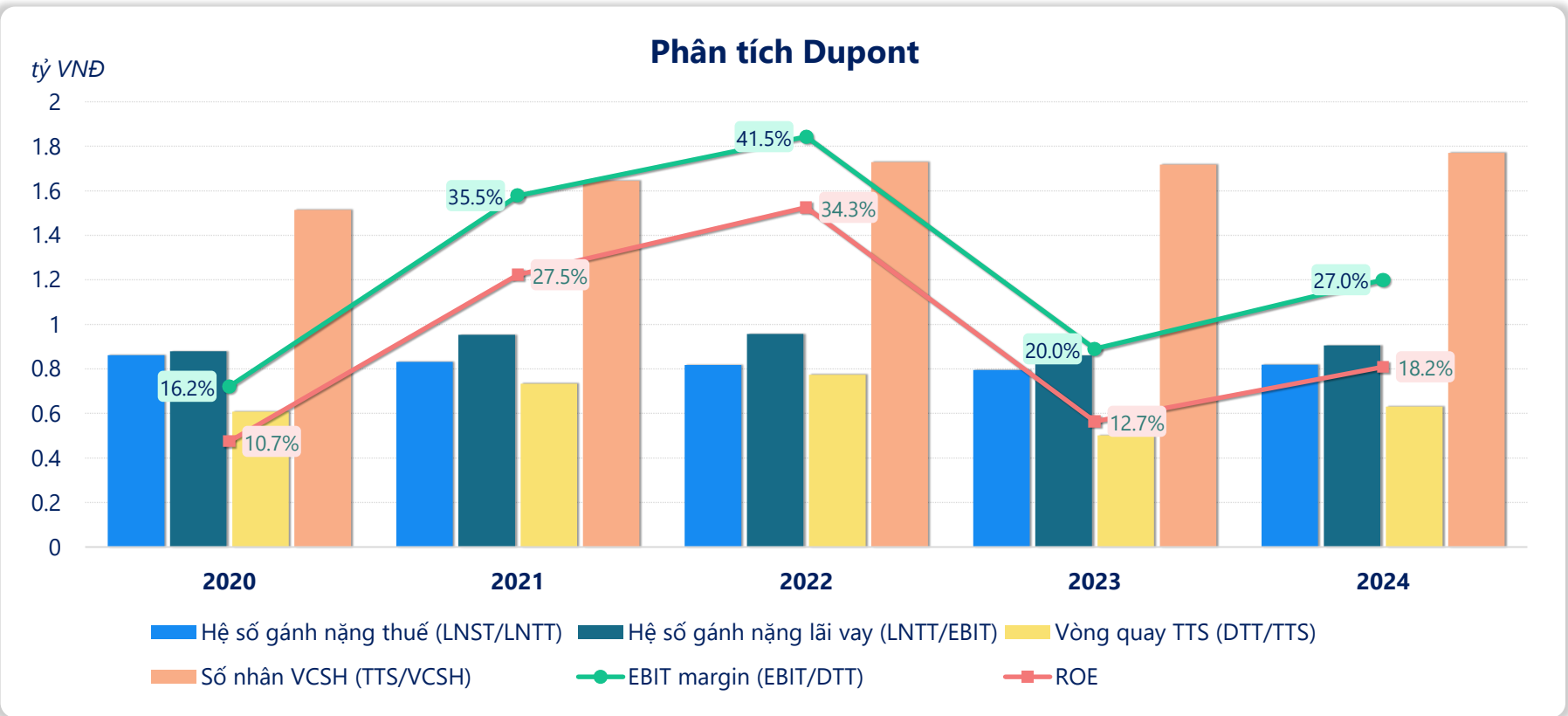
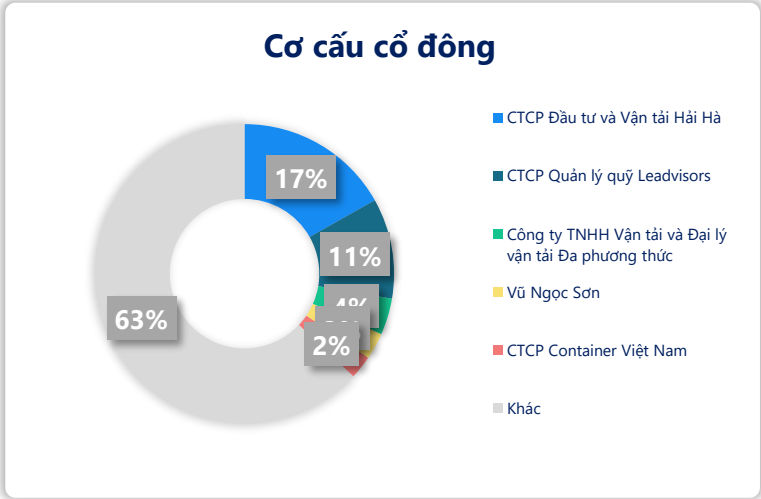


CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HSX: HAH)

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

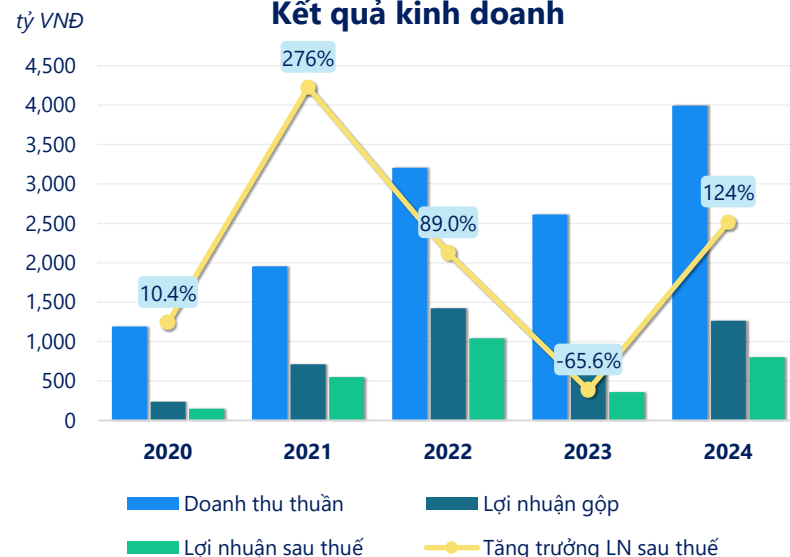
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		49,500
Sàn giao dịch		HSX
Khoảng giá 52 tuần		32,348 - 50,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,006
Số lượng CPLH (CP)		121,343,091
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,390,911
Sở hữu nước ngoài		13.5%
Beta		1.03
EPS		5,361
P/E		9.2

	YTD	1T	3T	6T
HAH		-1.0%	22.5%	7.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%



CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HSX: HAH)

Kết quả kinh doanh

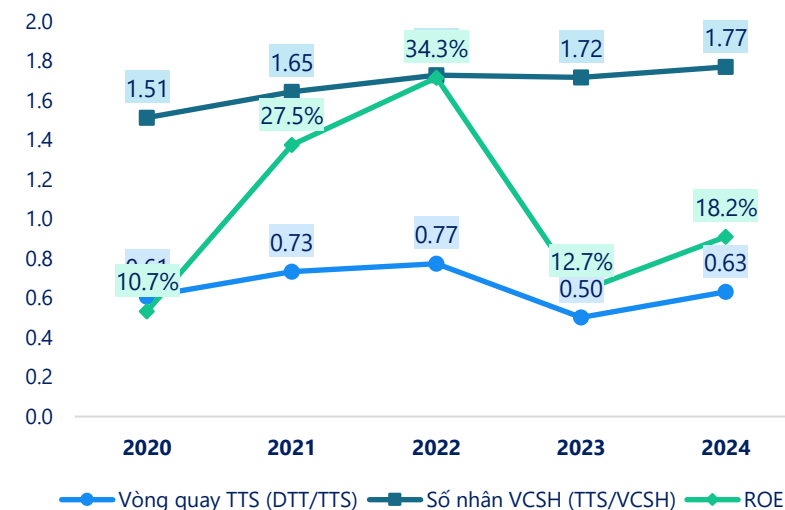


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **27.0%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.82**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.91**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.

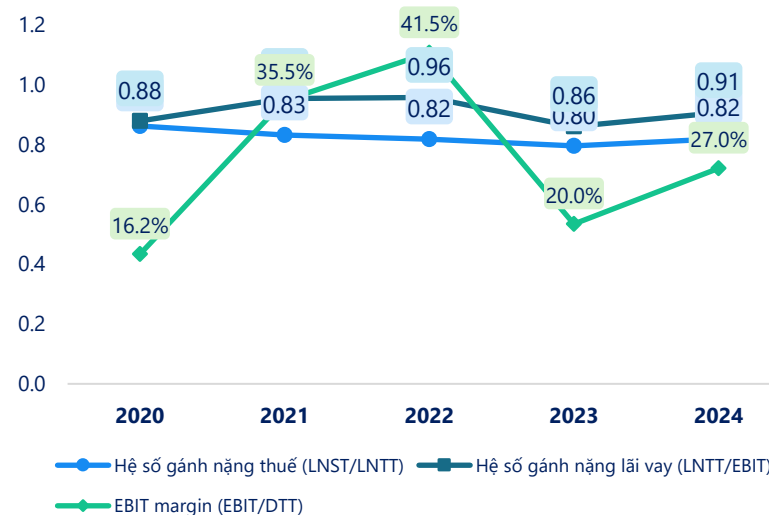
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **HAH** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 52.8%** đạt **3,992** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 124%** đạt **800.2** tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **18.2%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

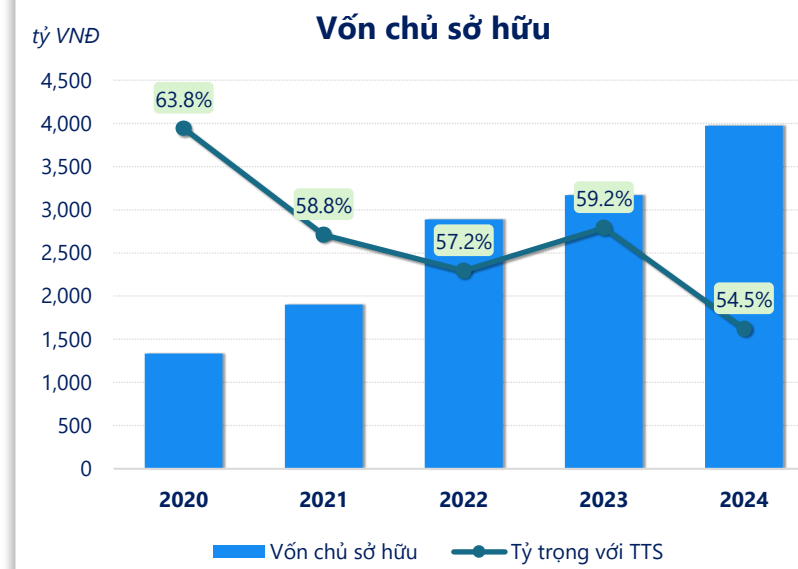
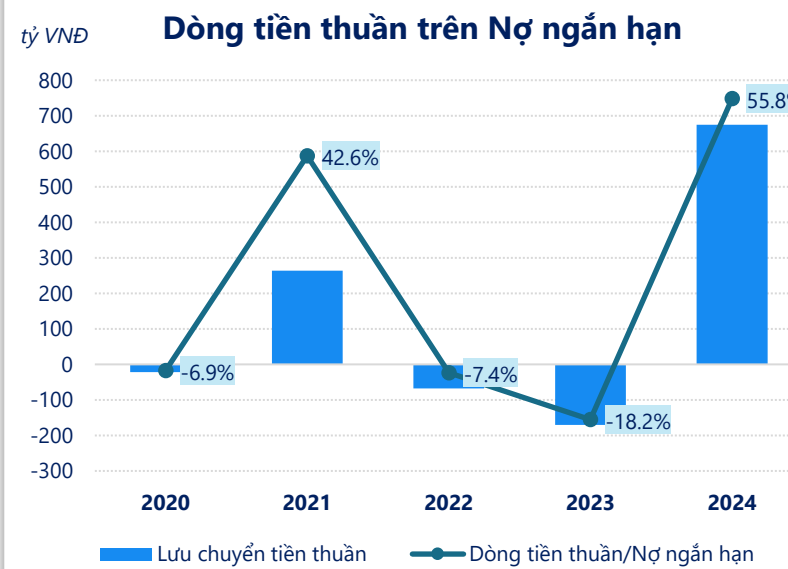
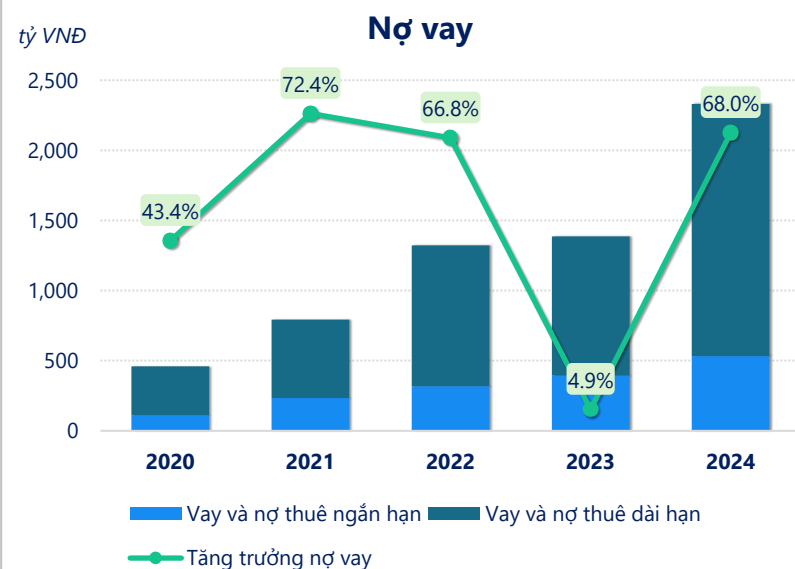
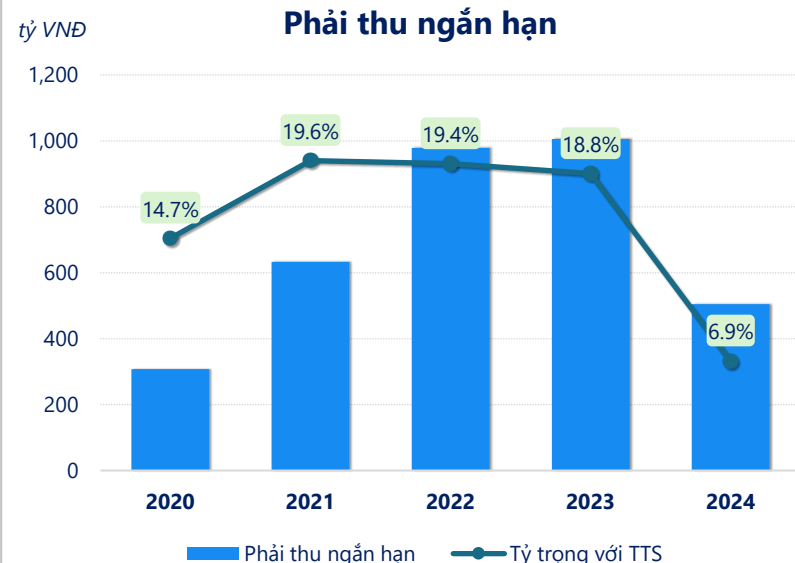


Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **0.63**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **1.77** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HSX: HAH)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	7,290	5,359	36.0%
Tài sản ngắn hạn	1,753	1,600	9.5%
Tiền và tương đương tiền	922	245	276%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.5	72.5	-2.8%
Phải thu ngắn hạn	504	1,005	-49.8%
Hàng tồn kho	87.8	97.1	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	168	180	-6.5%
Tài sản dài hạn	5,537	3,759	47.3%
Phải thu dài hạn	113	113	-0.1%
Tài sản cố định	4,775	3,118	53.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.8	30.2	-31.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	174	155	11.8%
Tài sản dài hạn khác	382	342	11.5%
Lợi thế thương mại	72.3	0	
Nợ phải trả	3,318	2,188	51.6%
Nợ ngắn hạn	1,210	937	29.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	532	394	35.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	206	155	32.3%
Nợ dài hạn	2,108	1,251	68.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,798	993	81.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,972	3,171	25.3%
Vốn chủ sở hữu	3,972	3,171	25.3%
Vốn điều lệ	1,213	1,055	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	1,192	1,955	3,206	2,613	3,992
Giá vốn hàng bán	952	1,241	1,784	2,002	2,725
Lợi nhuận gộp	239	714	1,422	611	1,267
Doanh thu HĐTC	17.1	26.3	38.7	30.2	24.6
Chi phí TC	24.8	32.9	76.3	83.7	119
Chi phí lãi vay	23.5	32.1	57.2	73.4	101
LN trong công ty LKLD	5.97	19.3	29.3	14.9	18.3
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	67.9	85.0	114	125	211
LN thuần từ HĐKD	170	642	1,300	447	980
Lợi nhuận khác	0.41	20.4	-27.3	2.99	-3.15
LN trước thuế	170	662	1,272	450	977
Lợi nhuận sau thuế	147	551	1,041	358	800
LNST của CĐ cty mẹ	138	446	822	385	650

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	277	790	1,295	536	1,405
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-383	-650	-1,661	-776	-1,660
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	84.5	124	299	69.5	930
Tiền đầu kỳ	243	221	485	415	245
Lưu chuyển tiền thuần	-22.1	264	-67.3	-170	675
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.25	-0.50	-1.91	0.35	1.63
Tiền cuối kỳ	221	485	415	245	922